

Giving advice

I can ask for and give advice.

- 1 Nhìn các hình sau (1-6). Điền *should* hoặc *shouldn't* và các động từ sau để câu có nghĩa phù hợp với hình.

answer go (x2) sit swim wear



- 1 He _____
down.



- 2 She _____
to bed.



- 3 She _____
her helmet.



- 4 He _____
his phone.



- 5 They _____
in this river.



- 6 They _____
inside.

- 2 Sắp xếp các từ sau theo đúng thứ tự để tạo thành câu đưa ra lời khuyên. Sử dụng thêm *should* hoặc *shouldn't*.

- 1 (that / you / sandwich / eat). It's a week old!

You shouldn't eat that sandwich.

- 2 (go / we / park / the / to). It's a beautiful day.

- 3 (go / you / now / home). Your dinner is ready.

- 4 (homework / my / I / finish). I have to give it to the teacher tomorrow.

- 5 (road / in / skateboard / you / the). It's dangerous.

- 6 (music / we / to / listen). My dad needs to sleep.

- 3 Hoàn thành đoạn hội thoại sau với các từ cho sẵn.

course do problem right see something tell that

Beth Hi, Leo. Can I ask your advice about _____?

Leo Yes, of _____. What's the _____?

Beth Well, I'm worried about my schoolwork.

Leo Really? But you're good at every subject!

Beth But I have to work in my parents' shop at weekends. So it's really difficult to do my homework.

Leo Yes, I _____.

Beth What do you think I should _____?

Leo You should talk to your mum and dad. You should _____ them how you feel.

Beth Should I say I can't work at the shop?

Leo No, you shouldn't do _____. They need your help. But perhaps you can just work there in the mornings.

Beth Yes, you're _____. Thanks, Leo.

- 4 Nghe ba đoạn hội thoại sau. Hoàn thành các câu tóm tắt chúng với các từ cho sẵn.

angry brother parents sad how teacher team words worried

- 1 The girl is _____ with her _____.

The boy says that she should talk to her _____.

- 2 The boy is _____ about the school _____.

The girl says that he should practice his _____ with her.

- 3 The girl is _____ because she is not in a sports _____. The boy says that she should talk to the _____.

- 5 Đọc các vấn đề sau. Em nghĩ những bạn này nên làm gì? Viết một lời khuyên cho mỗi bạn, sử dụng *should* hoặc *shouldn't*.

- 1 Jack: 'I'm always tired. But I can't go to bed early because I share a bedroom with my brother.'

- 2 Sarah: 'I can't study at weekends because we always have visitors. I'm worried about my exams!'

- 3 Freya: 'I'm embarrassed about my bike. It's really old and it's a bit small for me.'

- 6 Chuẩn bị một đoạn hội thoại tương tự như bài 3. Sử dụng một tình huống trong bài 5 và lời khuyên mà em tự nghĩ ra.